

ĐỀ CƯƠNG GIỮA HỌC KỲ II- CÔNG NGHỆ 11 (CHĂN NUÔI)

Năm học 2023 – 2024

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Chọn đáp án đúng về nguồn lây nhiễm rất nguy hiểm của bệnh cúm gia cầm.

- A. Người từ vùng khác đến.
- B. Các loài chim hoang dã.
- C. Các thiết bị công nghệ chưa đạt yêu cầu.
- D. Các loại thức ăn chế biến sẵn.

Câu 2: Cầu trùng gà là bệnh

- A. kí sinh trùng.
- B. truyền nhiễm.
- C. sinh sản.
- D. nội khoa.

Câu 3: Thời kì ủ bệnh của bệnh cầu trùng gà kéo dài

- A. từ 1 – 2 ngày.
- B. từ 2 – 4 ngày.
- C. từ 4 – 6 ngày.
- D. từ 6 – 10 ngày.

Câu 4: Câu nào sau đây **không** phải biện pháp điều trị bệnh cúm gia cầm?

- A. Dùng thuốc đặc trị bệnh cúm gia cầm để giảm thiểu thiệt hại nhiều nhất có thể.
- B. Báo ngay cho cán bộ thú y để được hướng dẫn.
- C. Cách li triệt để: không giết mổ hoặc di chuyển con vật ra khỏi khu vực chăn nuôi, cũng không chuyển gia cầm từ nơi khác về.
- D. Tiến hành các biện pháp chống dịch theo hướng dẫn của cán bộ thú y (tiêu huỷ con vật chết và con vật bị bệnh; vệ sinh khử trùng ...)

Câu 5: Các biện pháp phòng bệnh cúm gia cầm:

- (1) Dinh dưỡng;
- (2) Vaccine;
- (3) Vệ sinh;
- (4) Thả rông vật nuôi;
- (5) Bảo hộ lao động;
- (6) Nuôi lẫn nhiều loại gia cầm;
- (7) Không ăn sản phẩm gia cầm chưa nấu chín.

Thông tin đúng là

- A. (1), (2), (3), (5), (7).
- B. (2), (3), (4), (5), (6).
- C. (3), (4), (5), (6), (7).
- D. (1), (2), (4), (5), (7).

Câu 6: Câu nào sau đây đúng về bệnh cúm gia cầm?

- A. Các loài gia cầm trước 6 tháng tuổi dễ mắc bệnh nhất, chết nhanh và với tỉ lệ chết rất cao 90 - 100%
- B. Các loài gia cầm trước 6 tháng tuổi dễ mắc bệnh nhất, lâu chết và tỉ lệ chết thấp (dưới 50%), những con còn sống thường còi cọc
- C. Các loài gia cầm ở mọi lứa tuổi đều có thể bị bệnh, chết nhanh và với tỉ lệ chết rất cao 90 - 100%
- D. Các loài gia cầm ở mọi lứa tuổi đều có thể bị bệnh, lâu chết và tỉ lệ chết thấp (dưới 50%), những con còn sống thường còi cọc.

Câu 7: Câu nào sau đây là biểu hiện ban đầu của bệnh cầu trùng gà?

- A. Xác gầy, ướm, thiếu máu; manh tràng và ruột non xuất huyết tràn lan và chứa nhiều máu.
- B. Con vật gầy rộc, thiếu máu, mào, da nhợt nhạt, xù lông, sã cánh, mắt nhắm nghiền, bỏ ăn, chết do mất máu và kiệt sức.
- C. Phân chuyển sang dạng sấp nâu, phân sống, lẫn máu và cuối cùng phân toàn máu.
- D. Gà uống nhiều nước, tiêu chảy với phân chứa thức ăn không tiêu.

Câu 8: Vì sao bệnh cầu trùng gà rất nguy hiểm đối với ngành chăn nuôi gia cầm?

- A. Vì nó có thể làm cho giống gà đó suy giảm về tính chất, thậm chí là tuyệt chủng.
- B. Vì nó có thể lây lan rộng và gây thiệt hại lớn về kinh tế.
- C. Vì nó rất dễ lây nhiễm sang người và khiến người bị nhiễm chết nhanh chóng
- D. Vì nó rất dễ lây nhiễm sang gia súc và khiến chúng bị nhiễm chết nhanh chóng .

Câu 9: Trâu, bò bị nhiễm bệnh tiên mao trùng thông qua vật trung gian truyền bệnh là

- A. các loại ruồi trâu hút máu.
- B. các loại châu chấu, sâu bọ.
- C. các loại thức ăn không hợp vệ sinh.
- D. các loại cỏ đồng.

Câu 10: Bệnh tiên mao trùng thường xảy ra vào thời gian nào?

- A. Các tháng nóng ẩm, mưa nhiều.
- B. Các tháng lạnh lẽo, khô ráo.
- C. Các tháng nắng nóng, hanh khô.

D. Các tháng mưa phùn, giá rét.

Câu 11: Đặc điểm nổi bật của bệnh tụ huyết trùng trâu, bò là gì?

A. Gây tụ huyết ở trong tim, khó nhận biết.

B. Gây tụ huyết, xuất huyết ở những vùng nhất định trên cơ thể.

C. Gây xuất huyết ở mọi bộ phận trên cơ thể.

D. Chân thâm tím, xuất huyết.

Câu 12: Câu nào sau đây **không** phải biểu hiện đặc trưng của bệnh tụ huyết trùng trâu, bò?

A. Thời gian ủ bệnh từ 10 đến 30 ngày.

B. Con vật mệt mỏi, khó thở, sốt cao 41 – 42 °C, đi lại khó khăn.

C. Niêm mạc mắt, mũi đỏ sẫm; chảy nước mắt, nước mũi.

D. Ban đầu bị táo bón, sau đó tiêu chảy phân lẫn máu và dịch nhầy.

Câu 13: Mầm bệnh gây bệnh tụ huyết trùng ở trâu, bò là

A. vi khuẩn Gram âm Pasteurella.

B. vi khuẩn Gram dương Pasteurella.

C. Trục khuẩn gram dương.

D. Cầu khuẩn gram âm.

Câu 14: Bệnh tụ huyết trùng trâu, bò là

A. bệnh truyền nhiễm cấp tính do vi khuẩn gây ra.

B. bệnh truyền nhiễm mãn tính do vi khuẩn gây ra.

C. bệnh kí sinh trùng cấp tính do trùng Toxoplasma gây ra.

D. bệnh kí sinh trùng mãn tính do trùng Toxoplasma gây ra.

Câu 15: Thời gian ủ bệnh của bệnh tụ huyết trùng ở trâu, bò từ

A. 1 đến 3 ngày.

B. 1 đến 3 giờ.

C. 10 đến 30 ngày.

D. 1 đến 3 tháng.

Câu 16: Biểu hiện nào sau đây **không** phải của bệnh chướng hơi dạ cỏ?

A. Dạ cỏ căng to.

B. Lưng hơi lõm xuống.

C. Ngừng ăn.

D. Khó thở.

Câu 17: Ở thể cấp tính của bệnh tiên mao trùng, con vật có biểu hiện như thế nào?

A. Con vật sốt gián đoạn (ngày sốt, ngày không).

B. Thiếu máu suy nhược kéo dài, có thể chết hàng loạt.

C. Thường sốt cao, rối loạn thần kinh và chết nhanh.

D. Da bị bong tróc, lở loét, chân co màu tím tái.

Câu 18: Câu nào sau đây **không** phải là biểu hiện của bệnh viêm vú ở trâu, bò?

A. Bầu vú sưng, nóng, đỏ.

B. Sản lượng sữa giảm hoặc mất hẳn.

C. Sữa có mùi hôi, chuyển dần sang màu đen.

D. Con vật đau đớn nên không cho con bú, không cho vắt sữa.

Câu 19: Chọn đáp án đúng về nguyên nhân gây nên bệnh chướng hơi dạ cỏ ở trâu, bò.

A. Môi trường không khí không trong lành, chứa nhiều hạt vi bụi.

B. Con vật ăn quá nhiều thức ăn dễ lên men sinh hơi hoặc thức ăn bị nhiễm chất độc acid sulfuric hữu cơ.

C. Con vật ăn quá nhiều thức ăn dễ lên men sinh hơi hoặc thức ăn bị nhiễm chất độc phosphorus hữu cơ.

D. Con vật ăn quá nhiều thức ăn khó lên men hoặc thức ăn bị nhiễm chất độc phosphorus hữu cơ.

Câu 20: Câu nào sau đây **không** đúng về các biện pháp phòng và trị bệnh tiên mao trùng?

A. Đảm bảo vệ sinh chuồng trại và bãi chăn thả, phát quang bụi rậm và định kì phun thuốc diệt côn trùng.

B. Ở những vùng thường xuyên xuất hiện bệnh thì có thể dùng thuốc đặc trị tiêm phòng cho gia súc vào mùa phát bệnh.

C. Con vật mắc bệnh cần được cách li, điều trị kịp thời bằng thuốc đặc trị theo chỉ dẫn của bác sĩ thú y.

D. Tiêm vaccine mỗi tháng một lần để phòng bệnh cho vật nuôi.

Câu 21: Mầm bệnh của bệnh tụ huyết trùng trâu, bò là

A. vi khuẩn Gram dương Pasteurella.

B. vi khuẩn Gram dương Peptidoglycan.

C. vi khuẩn Gram âm Pasteurella.

D. vi khuẩn Gram âm Peptidoglycan.

Câu 22: Câu nào sau đây **không** đúng khi nói về biện pháp phòng và trị bệnh chướng hơi dạ cỏ ở trâu, bò?

- A. Tránh cho con vật ăn quá nhiều các loại thức ăn dễ lên men sinh hơi.
- B. Khi phát hiện bệnh thì cần báo bác sĩ thú y để được tư vấn điều trị kịp thời.
- C. Một số cách điều trị: Cho con vật nằm kê cao đầu; dùng rom, cỏ khô chà xát vào vùng hõm hông bên trái; dùng tay kéo lưỡi con vật theo nhịp thở, có thể móc bớt phân ở trực tràng.
- D. Bệnh này tuy nhẹ nhưng tuyệt đối không được sử dụng các bài thuốc đông y, dễ gây phản tác dụng

Câu 23: Câu nào sau đây **không** phải biện pháp phòng và trị bệnh tụ huyết trùng trâu, bò?

- A. Nuôi dưỡng, chăm sóc đúng kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh chuồng trại, thức ăn, nước uống.
- B. Tiêm phòng đầy đủ vaccine phòng bệnh mỗi năm 2 lần theo chỉ dẫn của bác sĩ thú y.
- C. Có thể điều trị được bằng các loại thuốc kháng sinh có tác dụng với vi khuẩn Gram dương.
- D. Khi con vật có dấu hiệu nghi ngờ bệnh thì cần báo cho cơ quan thú y để được hướng dẫn cách xử lý.

Câu 24: Cần tiêm phòng đầy đủ vaccine phòng bệnh tụ huyết trùng ở trâu, bò mỗi năm bao nhiêu lần?

- A. 2 lần.
- B. 1 lần.
- C. 3 lần.
- D. 4 lần.

Câu 25: Câu nào sau đây **không** phải biện pháp trị bệnh viêm vú ở trâu, bò?

- A. Dùng cao tiêu viêm xoa vào bầu vú bị viêm.
- B. Dùng thuốc đặc trị viêm vú bơm vào bầu vú qua lỗ tiết sữa.
- C. Tiêm vitamin B1 và cafein vào bắp thịt con vật.
- D. Sử dụng các loại thuốc kháng sinh liều cao để cho trâu, bò uống.

Câu 26: Phương pháp PCR là

- A. một kỹ thuật không chế hoạt động của sinh vật được ứng dụng phổ biến.
- B. một kỹ thuật biến đổi hoạt động của sinh vật được ứng dụng phổ biến.
- C. một kỹ thuật chẩn đoán dựa trên chỉ thị nguyên tử được ứng dụng phổ biến.
- D. một kỹ thuật chẩn đoán dựa trên chỉ thị phân tử được ứng dụng phổ biến.

Câu 27: Câu nào sau đây **không** phải một ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi?

- A. Ứng dụng công nghệ chẩn đoán di truyền trong chẩn đoán bệnh cho vật nuôi.
- B. Ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất vaccine phòng bệnh cho vật nuôi.
- C. Ứng dụng công nghệ lên men liên tục trong sản xuất kháng sinh điều trị bệnh cho vật nuôi.
- D. Ứng dụng công nghệ acid sulfuric xúc tác trong loại bỏ virus có hại.

Câu 28: Câu nào sau đây **không** phải là công nghệ mới ứng dụng trong sản xuất vaccine phòng bệnh cho vật nuôi?

- A. công nghệ vaccine tái tổ hợp.
- B. kỹ thuật tạo giống virus trao đổi gene.
- C. sử dụng virus vector.
- D. công nghệ nuôi cấy hạt phấn invitro.

Câu 29: Câu nào sau đây **không** phải ưu điểm của phương pháp PCR?

- A. Cho kết quả nhanh.
- B. Độ nhạy cao.
- C. Thao tác đơn giản.
- D. Độ chính xác cao.

Câu 30: Ngày nay, PCR được ứng dụng rộng rãi trong xét nghiệm chẩn đoán bệnh cho vật nuôi, nhất là các bệnh do

- A. vi khuẩn Gram âm.
- B. virus và vi khuẩn.
- C. vi khuẩn Gram dương.
- D. các loại virus.

Câu 31: Câu nào sau đây **không** đúng về đặc điểm kiểu chuồng hở?

- A. Được thiết kế thông thoáng tự nhiên, có bạt hoặc rèm che linh hoạt.
- B. Dễ quản lý và kiểm soát dịch bệnh.
- C. Có chi phí đầu tư thấp.
- D. Khó kiểm soát tiểu khí hậu chuồng nuôi và dịch bệnh.

Câu 32: Chọn đáp án đúng về đặc điểm kiểu chuồng kín.

- A. Được thiết kế thông thoáng tự nhiên, có bạt hoặc rèm che linh hoạt.
- B. Dễ quản lý và kiểm soát dịch bệnh.
- C. Có chi phí đầu tư thấp.
- D. Khó kiểm soát tiểu khí hậu chuồng nuôi và dịch bệnh.

Câu 33: Câu nào sau đây **không** đúng về đặc điểm kiểu chuồng kín – hở linh hoạt?

- A. Là kiểu chuồng kín không hoàn toàn.

- B. Các dây chuồng được thiết kế hở hai bên với hệ thống bạt che hoặc hệ thống cửa đóng mở linh hoạt.
- C. Cuối dãy chuồng có hệ thống làm mát và quạt thông gió.
- D. Khi thời tiết thuận lợi hay bất lợi chuồng đều được vận hành như chuồng kín.

Câu 34: Câu nào sau đây **không** đúng về kiểu chuồng kín?

- A. Chuồng được thiết kế khép kín hoàn toàn với hệ thống kiểm soát tiểu khí hậu chuồng nuôi tự động (quạt thông gió, hệ thống làm mát,...).
- B. Chuồng kiểu này phù hợp với phương thức nuôi tại gia, quy mô nhỏ, góp phần giữ gìn vệ sinh chung.
- C. Kiểu chuồng này dễ quản lý và kiểm soát dịch bệnh do ít chịu tác động của môi trường bên ngoài.
- D. Chi phí đầu tư ban đầu cho hệ thống khá lớn.

Câu 35: Câu nào sau đây **không** đúng về yêu cầu làm mái chuồng nuôi gia súc, gia cầm?

- A. Mái cần làm cao 3 – 4m để đảm bảo thông thoáng.
- B. Mái nên sử dụng vật liệu cách nhiệt (tôn lạnh, tôn kẽm,...) giúp chống nóng.
- C. Mái có độ dốc 30 – 40% để tránh đọng nước.
- D. Kiểu mái chuồng phổ biến nhất là 3 mái.

Câu 36: Chọn câu đúng về yêu cầu mặt bằng xây dựng trong xây dựng chuồng nuôi.

- A. Không cần tính toán, chỉ cần đủ diện tích làm chuồng và có sân chơi cho vật nuôi là được.
- B. Tính toán phù hợp với quy mô chăn nuôi, đảm bảo đủ diện tích cho từng con vật nuôi (nơi ở, máng ăn, máng uống, sân chơi,...)
- C. Xây dựng càng lớn càng tốt, tận dụng mọi nguồn lực về cơ sở vật chất, không gian.
- D. Xây dựng càng nhỏ càng tốt, tối ưu mọi nguồn lực về cơ sở vật chất, không gian.

Câu 37: Các loại máng ăn, máng uống thông dụng đối với gà nuôi nền gồm

- A. máng ăn tự động và núm uống tự động.
- B. máng dài chia ô và núm uống nhỏ giọt.
- C. máng tròn chia ô và hệ thống cung cấp thức ăn, nước uống tự động.
- D. hệ thống cung cấp máng ăn cố định và núm uống tự động.

Câu 38: Chuồng nuôi bò được thiết kế theo kiểu

- A. chuồng kín hai dãy.
- B. chuồng hở có một hoặc hai dãy.
- C. chuồng kín hai dãy hoặc chuồng hở có một hoặc hai dãy.
- D. phối kết hợp cả chuồng kín hai dãy và chuồng hở một dãy.

Câu 39: “Chuồng lợn nái hậu bị, chuồng lợn nái đẻ, chuồng lợn thịt, chuồng bò thịt, chuồng bò sữa...” là kiểu phân loại theo

- A. đối tượng vật nuôi.
- B. giai đoạn sinh trưởng.
- C. quy mô chăn nuôi.
- D. phương thức kiểm soát tiểu khí hậu chuồng nuôi.

Câu 40: Cho các thông tin sau:

- (1) Chọn nơi có giao thông thuận tiện.
- (2) Chọn vị trí cao ráo, thoáng mát, thoát nước tốt, xa khu dân cư, chợ, trường học,...
- (3) Chọn vị trí ở trung tâm các thành phố để dễ dàng chứng minh chất lượng của chuồng nuôi.
- (4) Chọn vị trí ở xa trung tâm các thành phố, giao thông không thuận tiện.

Thông tin **đúng** về yêu cầu về vị trí, địa điểm xây dựng chuồng nuôi gia súc, gia cầm là

- A. (1) và (2).
- B. (1) và (3).
- C. (1) và (4).
- D. (2) và (3).

Câu 41: Diện tích mỗi ô của chuồng nuôi lợn thịt công nghiệp là

- A. 5 m²/con.
- B. 2 m²/con.
- C. 0,7 m²/con.
- D. 0,25 m²/con.

Câu 42: Chọn câu đúng về yêu cầu kỹ thuật xây dựng chuồng bò.

- A. được thiết kế theo kiểu chuồng kín hai dãy hoặc chuồng hở có một hoặc hai dãy.
- B. nền chuồng phải cao hơn mặt đất 70 – 80 cm.
- C. trong chuồng nên chia ô cá thể để bò tranh giành thức ăn hay húc nhau.
- D. rãnh thoát nước tiểu, phân được bố trí ngay tại nơi con vật đứng.

Câu 43: Câu nào sau đây **không** đúng về yêu cầu xây dựng chuồng nuôi gia súc, gia cầm?

- A. Mặt bằng xây dựng: tính toán phù hợp với quy mô chăn nuôi, đảm bảo đủ diện tích cho từng con vật nuôi.
- B. Thiết kế chuồng: giống nhau ở mọi lứa tuổi, đối tượng vật nuôi và thuận tiện trong nuôi dưỡng, chăm sóc.

C. Dụng cụ, trang thiết bị chăn nuôi: đầy đủ, phù hợp với đối tượng vật nuôi và từng giai đoạn sinh trưởng, đảm bảo hiệu quả, an toàn và dễ vệ sinh.

D. Mái chuồng: cao 3 – 4 m để đảm bảo thông thoáng, chống nóng, tránh đọng nước.

Câu 44: Cho các thông tin sau:

(1) Giúp người chăn nuôi dễ dàng kiểm soát tiểu khí hậu chuồng nuôi (ví dụ cảm biến nhiệt độ, độ ẩm, khí độc H₂S, NH₃, CO,...).

(2) Kiểm soát sức khỏe vật nuôi (cảm biến đo thân nhiệt bò, tần số hô hấp,...)

(3) Kiểm soát người lạ ra vào chuồng nuôi nhằm hạn chế dịch bệnh.

(4) Kiểm soát chất lượng sản phẩm chăn nuôi (cảm biến đo sản lượng sữa, hàm lượng mỡ sữa,...).

Thông tin đúng về mục đích của hệ thống cảm biến được sử dụng trong chuồng nuôi bò hiện đại là

A. (1), (2), (4). B. (1), (2), (3). C. (2), (3), (4). D. (1), (3), (4).

Câu 45: Điểm khác biệt giữa thiết kế chuồng gà đẻ nuôi lồng và chuồng gà nuôi nền là

A. hệ thống vệ sinh.

B. hệ thống lồng nuôi.

C. hệ thống tản nhiệt.

D. hệ thống cung cấp thức ăn.

Câu 46: Câu nào sau đây **không** đúng về yêu cầu kỹ thuật đối với chuồng lợn thịt công nghiệp?

A. Chăn nuôi lợn thịt công nghiệp quy mô lớn thường sử dụng kiểu chuồng hở chia ô.

B. Cửa ra vào và các cửa sổ đều được thiết kế dạng khép kín phù hợp với hệ thống điều hoà không khí trong chuồng.

C. Một đầu chuồng được lắp đặt hệ thống tấm làm mát, đầu kia là hệ thống quạt thông gió công nghiệp.

D. Nền chuồng được làm từ bê tông, xi măng hoặc sàn nhựa công nghiệp.

Câu 47: “Chuồng thường được chia ô hoặc sử dụng cũi để tránh mẹ đẻ con khi nằm...” Đây là yêu cầu kỹ thuật của loại chuồng nào?

A. Chuồng nuôi lợn thịt công nghiệp.

B. Chuồng nuôi lợn nái đẻ và nuôi con.

C. Chuồng gà nuôi nền.

D. Chuồng gà đẻ nuôi lồng.

Câu 48: Câu nào sau đây **không** đúng về yêu cầu kỹ thuật đối với chuồng nuôi lợn nái đẻ và nuôi con?

A. Chuồng nuôi lợn nái đẻ thường được chia ô hoặc sử dụng cũi nái đẻ.

B. Chuồng nái sử dụng cũi để có kích thước trung bình dài 2 m x rộng 0,6 – 0,7 m x cao 1 – 1,2 m.

C. Ô cho lợn con nằm có diện tích tối thiểu là 10cm².

D. Diện tích ô cho lợn mẹ rộng 1,6 – 2 m; dài 2,2 – 2,4 m, có máng ăn, máng uống riêng.

Câu 49: Chọn câu đúng về yêu cầu nền chuồng trong xây dựng chuồng nuôi gia súc, gia cầm.

A. Nền cao hơn mặt đất 10 – 20 m để tránh ẩm ướt, không trơn trượt, độ dốc 1 – 2% .

B. Nền cao hơn mặt đất 30 – 50 cm để tránh ẩm ướt, không trơn trượt, độ dốc 1 – 2% .

C. Nền cao hơn mặt đất 80 – 120 cm để tránh ẩm ướt, không trơn trượt, độ dốc 2 – 5% .

D. Nền sát mặt đất, tránh ẩm ướt, không trơn trượt, độ dốc 50% , có rãnh thoát nước.

Câu 50: Điểm giống nhau giữa hai kiểu chuồng nuôi kín cho gà thịt nuôi nền và kiểu chuồng kín nuôi gà đẻ trong lồng là

A. hệ thống chuồng kín có hệ thống kiểm soát tiểu khí hậu và hệ thống cung cấp thức ăn, nước uống tự động.

B. hệ thống chuồng hở có hệ thống kiểm soát tiểu khí hậu và hệ thống cung cấp thức ăn, nước uống tự động.

C. hệ thống chuồng kín không có hệ thống kiểm soát tiểu khí hậu và hệ thống cung cấp thức ăn, nước uống tự động.

D. hệ thống chuồng hở không có hệ thống kiểm soát tiểu khí hậu và hệ thống cung cấp thức ăn, nước uống tự động.

Câu 51: Câu nào sau đây **không** đúng về bước chuẩn bị trong quy trình nuôi gà thịt công nghiệp?

A. Vệ sinh, khử trùng chuồng trại, máng ăn, máng uống.

B. Quây úm có đường kính 2 m cho 1000 gà con;

C. Đối với gà lớn, sử dụng máng ăn treo 400 con/máng máng.

D. Nền chuồng trải trấu khô, sạch, dày khoảng 5 – 10 cm.

Câu 52: Câu nào sau đây **không** đúng về kỹ thuật chăm sóc lợn thịt?

A. Lợn con sau khi cai sữa sẽ được ở cùng lợn mẹ và lợn cha để tiện nuôi dưỡng, chăm sóc.

B. Khi phân đàn, cần đảm bảo khối lượng lợn trong cùng một lô không nên chênh lệch quá nhiều.

C. Vệ sinh và khử trùng chuồng trại cần thực hiện trong suốt quá trình nuôi.

D. Tiêm vaccine phòng các bệnh: dịch tả lợn cổ điển, lở mồm long móng, tai xanh,...

Câu 53: Câu nào sau đây **không** đúng về chăm sóc lợn nái và lợn con sau sinh?

- A. Kiểm tra sót nhau ở lợn mẹ.
- B. Cho lợn con bú sữa đầu trong 16 giờ sau sinh (con nhỏ bú trước).
- C. Tiêm sắt cho lợn con trong 1 – 3 ngày tuổi.
- D. Cai sữa cho lợn con sau vài ngày tuổi.

Câu 54: Câu nào sau đây **không** đúng trong quy trình nuôi gà thịt lông màu bán chăn thả?

- A. Gà được chăn thả tự do khi thời tiết thuận lợi, có nắng ấm.
- B. Chuồng nuôi được thiết kế kiểu chuồng kín có hệ thống kiểm soát tiểu khí hậu chuồng nuôi.
- C. Gà con mới nở được úm đến 5 tuần tuổi.
- D. Tiêm vaccine phòng các bệnh: ND, Gumboro, đậu gà, tụ huyết trùng...

Câu 55: Câu nào sau đây **không** đúng về bước chuẩn bị chuồng trại, bãi thả trong quy trình nuôi gà thịt lông màu bán chăn thả?

- A. Chuồng nuôi gà thịt lông màu bán chăn thả là kiểu chuồng hở, có tường rào, rèm, bạt che mưa, nắng.
- B. Trong chuồng bố trí giàn đậu bằng tre hoặc gỗ cách nền 5m.
- C. Đặt máng cát, sỏi xung quanh bãi thả để giúp gà tiêu hoá thức ăn tốt hơn.
- D. Chuồng trại, bãi thả phải được định kì khử trùng.

Câu 56: Câu nào sau đây **không** đúng về việc nuôi dưỡng, chăm sóc bò giai đoạn vỗ béo?

- A. Sử dụng khẩu phần ăn 60 – 70% thức ăn tinh và 30 – 40% thức ăn thô, xanh.
- B. Cuối giai đoạn này bò bắt đầu tích lũy mỡ, vì vậy không nên kéo dài thời gian nuôi.
- C. Giai đoạn vỗ béo, protein khẩu phần giảm xuống trung bình 9%.
- D. Tiêm vaccine phòng các bệnh: chương hơi dạ cỏ, tụ huyết trùng, bại liệt, 4 lần/năm.

Câu 57: Đối với lợn thịt có khối lượng 10 – 35 kg thì mật độ nuôi là bao nhiêu?

- A. 0.4 – 0.5 m²/con.
- B. 0.7 – 0.8 m²/con.
- C. 1.4 – 1.5 m²/con.
- D. 1.7 – 1.8 m²/con.

Câu 58: Câu nào sau đây **không** đúng về việc nuôi dưỡng, chăm sóc bê theo mẹ?

- A. Giai đoạn này bê bú sữa mẹ, cần phải giữ ấm, tránh gió lùa.
- B. Từ tháng thứ 2 có thể tập ăn cho bê với thức ăn tập ăn và cỏ xanh.
- C. Cai sữa cho bê khi bê được 2 tuổi.
- D. Nhu cầu protein trong khẩu phần ở giai đoạn này cao, trung bình 14%.

Câu 59: Hàm lượng Ca trong khẩu phần ăn khi nuôi dưỡng, chăm sóc bò giai đoạn sinh trưởng là bao nhiêu?

- A. 0.3 – 0.6 %.
- B. 1.3 – 1.6 %.
- C. 3.3 – 3.6 %.
- D. 3 – 6 %.

Câu 60: Phương pháp vật lí trong vệ sinh chuồng nuôi là

- A. tiêu độc bằng tia α , khử trùng bằng tia β .
- B. khử trùng, tiêu độc bằng nhiệt độ; khử trùng bằng tia cực tím.
- C. loại bỏ các virus gây hại bằng nhiệt động lực học.
- D. khử trùng, tiêu độc bằng nước javel, phenol, formaldehyde,...

Câu 61: Câu nào sau đây **không** đúng về bước úm gà con trong quy trình nuôi gà thịt công nghiệp?

- A. Gà con 1 ngày tuổi sẽ được úm trong quây.
- B. Nhiệt độ quây úm cho gà 1 – 7 ngày tuổi là 28 – 50°C.
- C. Hàm lượng protein trong thức ăn cho gà úm 1 – 14 ngày tuổi là 21%.
- D. Cho gà ăn 4 – 6 lần/ngày đêm.

Câu 62: Câu nào sau đây **không** đúng kĩ thuật chăm sóc lợn nái?

- A. Trong 2 tháng đầu mang thai, không nên di chuyển lợn nái nhiều để tránh gây stress, dễ bị sảy thai.
- B. Khi lợn nái chuẩn bị đẻ, chuyển lợn nái từ chuồng bầu lên chuồng đẻ.
- C. Thời điểm cai sữa cho lợn con nên cho lợn nái nhịn ăn, sau đó cho ăn tăng lên để lợn nái sớm động dục lại.
- D. Khi lợn nái đẻ có thể cho ăn nhiều để cho tốt sữa.

Câu 63: Dựa vào đặc điểm sinh lí, quy luật sinh trưởng của lợn, quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc lợn thịt được chia thành 3 giai đoạn:

- A. giai đoạn sau cai sữa, giai đoạn lợn choai và giai đoạn vỗ béo đến xuất chuồng.
- B. giai đoạn trước cai sữa, giai đoạn lợn choai và giai đoạn vỗ béo đến xuất chuồng.
- C. giai đoạn sau cai sữa, giai đoạn lợn choai và giai đoạn giảm béo đến xuất chuồng.

D. giai đoạn sau cai sữa, giai đoạn lợn trưởng thành và giai đoạn vỗ béo đến xuất chuồng.

Câu 63: Câu nào sau đây **không** đúng khi chăn nuôi theo quy trình?

- A. Nâng cao năng suất hiệu quả chăn nuôi.
- B. Kiểm soát tốt dịch bệnh
- C. Không truy xuất được nguồn gốc .
- D. Đảm bảo an toàn vệ sinh thú y.

Câu 64: Câu nào sau đây **không** đúng về biện pháp cơ giới trong vệ sinh chuồng nuôi?

- A. Sử dụng các dụng cụ như chổi, xẻng, vòi xịt nước,... để loại bỏ chất thải, độn chuồng, bụi bẩn,... ra khỏi nền, sàn, tường, trần của chuồng nuôi sau đó rửa sạch.
- B. Đối với dụng cụ chăn nuôi, sàn, vách ngăn,... bị chất bẩn bám chặt bề mặt lâu ngày, cần ngâm nước 1 – 3 ngày trước khi rửa.
- C. Phương pháp này nên được kết hợp với các phương pháp khử trùng vật lí, hoá học để tăng hiệu quả khử trùng.
- D. Cách tốt nhất là sử dụng tia cực tím để khử trùng không khí khu vực làm việc, kho bảo quản và khử trùng nước uống.

Câu 65: Câu nào sau đây **không** phải biểu hiện của lợn nái sắp sinh?

- A. Lợn mẹ kém ăn, đi ngoài phân lỏng.
- B. Cấn phá chuồng (làm tổ).
- C. Ăn ít hoặc bỏ ăn.
- D. Bầu vú căng, bóp ra tia sữa.

Câu 66: Câu nào sau đây **không** đúng về kĩ thuật nuôi dưỡng lợn nái?

- A. Giai đoạn mang thai từ 1 đến 90 ngày: khẩu phần ăn 1,8 – 2,2 kg/con/ngày.
- B. Giai đoạn từ 91 đến 107 ngày tăng lượng thức ăn lên 2,5 – 3 kg/con/ngày.
- C. Giai đoạn chữa kì cuối từ 108 ngày đến lúc đẻ cần tăng dần lượng thức ăn từ 3 kg/con/ngày lên 5,5 kg/con/ngày để giúp con sinh ra được khoẻ mạnh, chóng lớn.
- D. Trong thời gian chữa nên cho nái ăn thêm cỏ, rau xanh để chống táo bón.

Câu 67: Quy trình nuôi gà thịt công nghiệp, nhiệt độ quay úm cho gà 1 - 7 ngày tuổi là

- A. 32 - 34 °C.
- B. 40 - 50 °C
- C. B. 35 - 45 °C
- B. 20 - 25 °C

Câu 68: Mật độ gà nuôi thịt công nghiệp là

- A. 8 – 10 con/m².
- B. 18 – 20 con/m².
- C. 10 – 15 con/m².
- D. 2 – 3 con/m².

Câu 69: Quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc bò thịt được thực hiện theo 3 giai đoạn:

- A. giai đoạn theo mẹ, giai đoạn sinh trưởng và giai đoạn vỗ béo.
- B. giai đoạn bú sữa, giai đoạn sinh trưởng và giai đoạn vỗ béo.
- C. giai đoạn theo mẹ, giai đoạn tự lớn và giai đoạn vỗ béo.
- D. giai đoạn theo mẹ, giai đoạn sinh trưởng và giai đoạn sau sinh trưởng.

Câu 70: Quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc bò thịt, cho bê vận động tự do dưới ánh nắng trong thời tiết nắng ấm để có đủ

- A. vitamin D giúp chắc xương.
- B. vitamin E giúp chắc xương.
- C. protein giúp chắc xương.
- D. vitamin A giúp chắc xương.

II. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Với những hộ chăn nuôi quy mô nhỏ, mức đầu tư thấp nên chọn thiết kế chuồng cho gia súc, gia cầm theo kiểu nào? Trình bày ưu – nhược điểm của kiểu chuồng đó?

Câu 2: Với phương thức nuôi công nghiệp, quy mô lớn, mức đầu tư cao nên chọn thiết kế chuồng cho gia súc, gia cầm theo kiểu nào? Trình bày ưu – nhược điểm của kiểu chuồng đó?

Câu 3: Để phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm người chăn nuôi cần thực hiện những biện pháp gì?

Câu 4: Nếu em là chủ trang trại chăn nuôi, khi dịch bệnh xảy ra, em sẽ thực hiện phương pháp vệ sinh chuồng nuôi nào? Vì sao?

Câu 5: Hãy đề xuất biện pháp phòng bệnh an toàn cho người, vật nuôi và môi trường trong hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm ở địa phương.